

Bản án số: 249/2022/DS-ST

Ngày: 21/12/2022

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Phước Tường**

2. Ông **Phạm Trung Thành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Cao Ngọc Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa:* Bà **Nguyễn Võ Liên Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 411/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 362/2022/QĐXXST-DS ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Xuân M**, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Phạm Thị A**, sinh năm: 1951

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H, bà M có mặt tại phiên tòa; Bà A vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Vào ngày 08/10/2020 ông có cho bị đơn bà Trần Thị Xuân M vay số tiền 14.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 100.000 đồng. Sau khi vay đến nay bà M chưa trả tiền vốn và lãi. Ngoài ra, cùng ngày ông có cho bà M mượn không lãi số tiền 4.800.000 đồng.

Tổng cộng bà M thiếu ông số tiền là 18.800.000 đồng đến nay chưa trả. Nay ông yêu cầu bà M trả cho ông số tiền vốn tổng cộng 18.800.000 đồng. Đồng thời cung cấp chứng cứ là giấy ghi thiếu tiền ngày 20/02/2021.

\* Theo Tờ tự khai không đề ngày và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn bà Trần Thị Xuân M trình bày: Ngày 20/02/2021 bà có vay của ông H 02 lần tiền, lần đầu vay số tiền 14.000.000 đồng, lần hai vay số tiền 4.800.000 đồng, tổng cộng số tiền là 18.800.000 đồng, lãi suất vay mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Sau khi vay bà có trả được 03 tháng tiền lãi số tiền là 3.000.000 đồng. Đến ngày 29/12AL/2021 bà có trả số tiền vốn là 4.000.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền 14.800.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

\* Theo Biên bản ghi lời khai đề ngày 04/11/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị A trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn H, nhưng vợ chồng bà và ông H đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Việc ông H cho bà M vay tiền thế nào bà không biết, bà không có nhận số tiền 4.000.000 đồng do bà M trả và cũng không lần nào cùng ông H nhận tiền của bà M và theo giấy bà M cung cấp có nội dung ghi trả số tiền 4.000.000 đồng ngày 29/12al không phải do bà ký.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Bà An vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Bị đơn bà M thừa nhận có vay số tiền 18.800.000 đồng của ông H nên được xem là tình tiết không phải chứng minh nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà M khai rằng có trả cho ông H 3.000.000 đồng tiền lãi và 4.000.000 đồng tiền vốn nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của bà. Xét yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng của bà M làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nên không chấp nhận yêu cầu được trả dần của bà M. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Những yêu cầu, kiến nghị khác phục vi phạm tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn kiện tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn kiện và yêu cầu bị đơn trả số tiền vay, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc vắng mặt của các đương sự*: Bà Phạm Thị A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu xin xét xử vắng mặt của bà A là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của bà A.

## [2]. Về nội dung vụ án:

Vào ngày 08/10/2020, ông Nguyễn Văn H có cho bị đơn bà Trần Thị Xuân M vay 02 lần số tiền tổng cộng là 18.800.000 đồng, đồng thời cung cấp chứng cứ là “Giấy thiếu tiền ngày 20/02/2021”. Bị đơn bà M thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, đồng thời thừa nhận chứng cứ là “Giấy thiếu tiền ngày 20/02/2021” do ông H cung cấp đúng là do bà viết, ký và ghi họ tên. Do vậy, có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Xuân M thực tế phát sinh theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, theo lời bà M khai đã trả được số tiền lãi là 3.000.000 đồng và tiền vốn là 4.000.000 đồng. Phần tiền vốn trả 4.000.000 đồng do vợ ông H là bà Phạm Thị A nhận, đồng thời cung cấp chứng cứ là giấy có nội dung trả số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 29/12al.

[2.1]. Xét chứng cứ bà M cung cấp là “Giấy trả số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 29/12al”. Tại phiên tòa, bà M thừa nhận nội dung giấy trả tiền và chữ ký dạng viết tên “A H” là do bà viết để nhớ, không phải do ông H, bà A ký. Đồng thời theo lời ông H khai tại phiên tòa, cũng như lời bà A tại Biên bản ghi lời khai đề ngày 04/11/2022 đều xác định không có nhận số tiền 4.000.000 đồng như lời bà M khai. Ngoài ra, bà M cũng không có chứng cứ chứng minh khác cho việc trả tiền vốn và lãi như lời bà khai. Do vậy không chấp nhận chứng cứ và lời khai về việc trả tiền vốn và lãi của bà M.

[2.2]. Về thời hạn trả tiền: Xét thấy, theo “Giấy thiếu tiền ngày 20/02/2021” thời hạn trả tiền là 01 năm tính từ ngày 20/02/2021 đến nay đã quá hạn và ông H đòi nhiều lần bà M chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc bà Trần Thị Xuân M trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 18.800.000 đồng.

[2.3]. Ngoài ra, bà M có yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đến khi hết nợ. Xét yêu cầu xin trả dần của bà M là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và không được ông H đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà M.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

- Buộc bà Trần Thị Xuân M trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 18.800.000 đồng.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Xuân M chịu 940.000 đồng.

- Hoàn lại ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 470.000 đồng theo Biên lai thu số 0010152 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Nhịn**

